

Hồ Sơ Đen về Những Kẻ Bội Phản Chính Trị (I)

Nguyễn Văn Lục



Sitting out the war in Montreal: South Vietnamese students evade service by refusing to go home. Most arrived on Canadian government scholarships.

Sinh viên “yêu nước” trốn quân dịch không về nước: (từ trái qua phải): Lương Châu Phước, Đỗ Đức Viên, Trần Tuấn Dũng, và Nguyễn Văn Nhã. 1970. Nguồn: Tạp chí PARADE/Washington Post June 14, 1970

Hồ sơ đen về những kẻ bội phản chính trị - Trahison politique - trong nhóm trí thức thành phần thứ ba

Câu chuyện Hồ sơ đen được viết lại ngày hôm nay về nhóm sinh viên thiên tả nằm trong một tổ chức có tên là Hội Việt Kiều Yêu Nước Tại Canada⁽⁴⁾, là một câu chuyện của quá khứ cách đây có thể trên 40 năm. Tưởng đã chìm vào dĩ vãng mà nhiều người trong cuộc tin chắc rằng họ có thể hạ cánh an toàn, gác lại chuyện dĩ vãng và an hưởng tuổi già vì nay họ đều sắp xỉ tuổi 70 trở lên.

Câu chuyện xem ra không đơn giản như họ nghĩ! Và dứt khoát những người tỵ nạn là thuyền nhân trên biển còn sống sót sẽ không bao giờ quên được chuyện đó. Nhưng hồ sơ đen thì hầu như đã bị chìm trong quên lãng nay được khơi lại như một hồ sơ nóng. Những người trong cuộc cần hiểu rằng, họ tiếp tay với chính sách của cộng sản Hà Nội. **Họ là cánh tay nối dài của cộng sản Hà Nội bằng cách trôn lột tiền bạc**, biến những người miền Nam còn kẹt lại trong nước thành một thứ con tin.

Hiện nay một loạt hồ sơ đen về những ai thuộc nhóm sinh viên ‘phản chiến’ và được gọi là **thành phần thứ ba** ra ánh sáng công luận về những điều họ nói và nhất là về những điều họ làm. Đây là một công việc làm nghiêm chỉnh, mất nhiều công sức tìm tòi nguồn tài liệu! Đưa ra tập hồ sơ đen (Dossier noir) của Hội Việt Kiều Yêu Nước Tại Canada này không nhằm riêng rẽ một cá nhân nào. Và các tài liệu được trích dẫn đều dựa trên những nguồn khả tín nhất hoặc trên băng thu âm, trên tài liệu viết thành sách, trên các báo chí của thời đó. Nó có giá trị của loại tài liệu mang đúng tiêu chuẩn khoa học, đạt trình độ tri thức luận và nhận thức luận cao. Nói một cách nôm na, tập Hồ sơ đen này dựa trên giấy trắng mực đen, có ngày tháng, có hình ảnh đi kèm, không thêm bớt và vì thế khả năng phản biện và phủ nhận hầu như là điều không thể. Nó có giá trị thuyết phục ngay đối với những người có tên trong Hồ sơ. Họ chỉ còn biết im lặng tâm phục, khẩu phục!

Mục đích tối hậu của Hồ sơ đen này là **lột trần chân tướng của kẻ đứng đằng sau là đảng Cộng sản ở Hà Nội**. Đảng Cộng sản Việt Nam, qua hồ sơ đen này, bộc lộ bản chất tàn độc nhất, dã man một cách tinh vi nhất, thất nhân tâm nhất và cũng xảo trá nhất. Người viết xin thú nhận rằng khi lần đầu tiên tiếp nhận tập tài liệu **The Vietcong Front in Quebec** – Mặt trận Việt Cộng ở Québec của Gilbert Gendron vào khoảng đầu tháng tư. Người viết đã hoan hỉ đọc. Nhưng đọc xong lần đầu thì như thể đụng phải một bức tường. Đọc lần hai và đọc đến lần thứ ba. Nhiều chi tiết quá không sao nhớ hết được. Đọc trước quên sau. Đọc lại tưởng như chưa đọc. May mắn là sau đó có bài **Đứng ngoài cuộc chiến** của Trà Mi. Bài này cho thấy một cái trahison politique của **đám sinh viên trẻ, trốn lính, nhưng lại mang mặt nạ yêu nước lý tưởng, chống chiến tranh** mà tiêu biểu là bốn người trong một cuộc phỏng vấn của John G. Rogers, viết từ 45 năm trước, 14-6-1970, cho tạp chí Parade và cũng đăng trên tờ Washington Post, một tờ báo thường có truyền thống chẳng mấy tốt đẹp gì với miền Nam Việt Nam cả. Bốn người này có thể nay chẳng nhớ họ đã phát biểu gì trong cuộc phỏng vấn đó. Bốn người trong bức hình là **Lương Châu Phước, Đỗ Đức Viên, Trần Tuấn Dũng và Nguyễn Văn Nhã**. Người nào trông mặt mũi cũng thông minh, bảnh bao mà **tâm địa sao hèn kém thế**. Bọn trốn lính!

Với lời chú thích mỉa mai của người đi phỏng vấn ngay từ năm 1970 mà các chàng ‘ngây thơ’ chẳng hiểu rõ thâm ý của nhà báo: “Sitting out the war: South Vietnamese students evade service by refusing to go home. Most arrived on Canadian government scholarship.”

Người viết xin tạm dịch với vốn tiếng Anh ăn đong như sau:

Ngồi ngoài cuộc chiến ở Montréal: các sinh viên của miền Nam đã trốn lính bằng cách từ chối quay trở về miền Nam. Hầu hết họ đã đến đây qua học bổng của chính quyền Canada.

Trong đó, trừ Đỗ Đức Viên, ba người kia sau này đều có chức vụ, giữ vai vế quan trọng trong Hội Việt Kiều Yêu Nước tại Ca-na-đa. Định mệnh sắp xếp chẳng?

Trong hình, người viết, do một người bạn đã giúp, nhận diện ra Nguyễn Văn Nhã giống hệt nhà văn Y Uyên, một chuẩn úy Địa phương quân đã hy sinh tại Phan Thiết. Đúng là cha mẹ sinh con, trời sinh tính. Người anh làm anh hùng, thằng em bắt nghĩa theo giặc!



Thầy giáo/nhà văn Y-Uyên | Circa 1968. (P) SV phản chiến Nguyễn Văn Nhã, 1970.

Tiếp đến bài *Lời sám hối muộn màng* của Lê Quốc Trinh. Có thể Lê Quốc Trinh đã cho nổ một quả bom nổ chậm trong nội bộ đám Việt kiều yêu nước. Lời văn, giọng điệu chân thật, chữ dùng hầu như chưa gọt dũa, còn nguyên vẹn bản chất con người của một người có thói quen ‘cầm búa sửa nhà’, tay chắt dính dầu, bùn đất vì vốn là kỹ sư làm trong ngành mỏ như tác giả tự mô tả. Chính ở chỗ đó làm nên cái đẹp của tác giả. Tác giả mở đầu, Hôm nay ngày 3 tháng 3 năm 2015, tôi quyết định viết bài sám hối...

Và lời cuối trong bài Sám Hối:

“Nghĩ lại thời gian đã qua, tôi thảm tiếc nuối cho một đời thanh niên đã bị lừa dối, bị đánh cắp và cảm thấy rất ăn năn vì đã không trực tiếp góp phần với cuộc đấu tranh đòi lại công lý cho toàn thể nhân dân miền Nam.”

Tôi đã đọc nhiều sách viết về thái độ phản tỉnh của các nhà văn trí thức như Thanh Lãng, Chân Tín, Lê Hiếu Đằng, Tiêu Dao Bảo Cự, Đào Hiếu, Ngô Công Đức, Trần Đức Thảo, Tô Hải, Hoàng Hữu Quýnh, Nguyễn Văn Trấn, Trần Độ, Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, v...v... Nhưng đây là lời sám hối khác hẳn các trường hợp trên. Không phải người trong đảng, hoạt động nhiều năm trong lòng chế độ. Nhưng ông là một cựu sinh viên ở hải ngoại, có trình độ, có dịp sống trong môi trường xã hội chính trị có truyền thống dân chủ. Vậy mà từ năm 1973, ông đã tự nguyện hoạt động cho cộng sản qua hội Việt kiều yêu nước.

Lời thố lộ của ông mộc mạc mà cũng trung thực nhất! Thẳng thừng không úp mở. Và theo đúng tinh thần người chủ chiến trong Phúc Âm kể lại là mỗi khi có một con chiên trở về thì người chủ chiên sai mở tiệc ăn mừng sự trở về ấy. Tôi cũng có niềm hân hoan ấy khi đọc Lời sám hối của Lê Quốc Trinh. Ông Lê Quốc Trinh đã có thời là bè bạn, là đồng chí của những thành viên trong Hội Việt Kiều Yêu Nước tại Ca-na-đa. Mặc dầu gia nhập hội trễ năm 1973, nhưng ông là người có công đóng từng cái bàn, cái ghế, ngăn phòng, sửa chữa hội quán ở số 1450 Beaudry, năm 1980. Những tiết lộ của ông giúp phần đông bạn đọc, những ‘boat People’ hiểu được cái tổ chức trên cũng như công việc của họ.

Tuy nhiên tôi cũng không đến nỗi quá ngây thơ đến tin rằng một ngày nào đó những Nguyễn Văn Nhã, Trần Tuấn Dũng, Quách Tinh Văn, Lương Châu Phước lại có thể có lời sám hối tương tự. Bởi vì trong một bài viết nhan đề *Nhân đi thăm Tích Lan*, trong nhóm sinh viên Colombo 1964, ông Lương Châu Phước trong phần kết luận có viết: *“Thôi thì cũng phải tự tha thứ và tự an ủi rằng ít ra là mình biết nhớ ơn, dù có muộn màng và sau khi đã nhận lãnh sự giúp đỡ, đã không làm điều gì sai quấy, không đem phiền muộn cho ai...”*

Điều này cho thấy, ông Lương Châu **Phước không nhận thức rõ được việc làm của ông trong Hội Việt kiều yêu nước của ông**. Tôi đã có dịp đọc tờ Đất Việt do ông làm “Tổng biên tập”. Một số nội dung báo Đất Việt cho thấy tính cách tuyên truyền từ cách chọn bài, chọn tác giả, chọn thông tin, tên tuổi các ông cộng sản như Nguyễn Cơ Thạch, Võ Văn Kiệt, Trần Bạch Đằng. **Chắc rằng ông đã viết sai sự thật hay che dấu sự thật không ít.**

Cộng tác viên trong nước thì có Trần Bạch Đằng, Sơn Nam, Vũ Hạnh. Hoàng Phủ Ngọc Phan, Ngọc Linh. Đặc biệt đăng truyện dài Ông cố vấn của Hữu Mai. Hữu Mai là Trần Bạch Đằng. Cảm tưởng của tôi là nó giống như một tờ báo đảng ở Sài Gòn. Báo in và xuất bản ở Montréal của Hội Việt kiều mà tuyệt nhiên không có bài vở, sinh hoạt ở đây!

Chỉ xin gửi đến ông một số đề thi tú tài hai bên Pháp năm nay cho 685.000 thí sinh. Riêng thí sinh ban Khoa học thực nghiệm (S) thì đề thi triết năm nay như sau: “*La politique échappe-t-elle à l'exigence de la vérité?*” Làm chính trị có cần tôn trọng sự thật không?

Chắc là ông không làm được bài thi này. Tôi là thầy giáo dạy môn Triết, đành đánh rớt ông thôi! Với tư cách một người đọc, một người đứng xa, đứng ngoài không có quan hệ quen biết gì với đám người trong tổ chức trên, trừ một hai người vốn quen biết sẵn, tôi xin đóng góp như cái nhìn thứ hai (second regard) vào tổ chức này. Cái nhìn của người viết mang tính cách đánh giá và phê phán cá nhân cũng như tổ chức này và đặt ra một số câu hỏi.

Hài danh tính một số thành viên phản bội chính trị trong tập Hồ sơ đen ở hải ngoại

Cho đến nay, đa số trong số gần 40.000 người Việt sinh sống và định cư ở Montréal đã **không hề biết gì về những thành viên trong tổ chức hội Việt kiều yêu nước cũng như công việc họ làm**. Đó là một thiếu sót mà người viết thấy cần thiết phải làm. Nhiều người từng là thành viên của nhóm Hồ sơ đen Việt kiều yêu nước nay đã chọn sự im lặng và tránh mọi tiếp xúc hay tránh không muốn cho phỏng vấn. Tại sao họ phải làm như vậy? Chỉ vì nay **họ biết cái trách nhiệm, cái sai phạm mà họ đã làm trong quá khứ cách đây 40 năm!** Họ không muốn ai nhắc tới nữa.

Tiêu đề Trahison Politique là muốn nhấn mạnh là tất cả thành viên của Hội này đều gốc gác ở miền Nam hoặc di cư từ Bắc vào Nam trong cuộc di cư năm 1954-55. Họ đã được ăn học, giáo dục đến nơi đến chốn cho đến lúc đỗ xong hai bằng tú tài. Không có miền Nam, không có nền giáo dục tốt đẹp của miền Nam, không có sự chọn lựa công bằng trong sự tuyển chọn thì dù họ học giỏi – Tôi nhận thức một cách không khâm phục – khi trong thâm tâm, họ cho rằng, họ giỏi nên chẳng cần ai, họ đương nhiên được đi du học.

Nói thật, không có những điều kiện ắt có và đủ ở miền Nam thân phận họ không được như vậy! Vậy mà **họ chưa một lần biết cảm ơn miền Nam. Họ cũng chưa hề đóng góp công sức ngay cả phục vụ trong quân ngũ như những thanh niên khác đồng lứa tuổi với họ**. Họ thiếu cái tình con người mới không hiểu rằng biết bao nhiêu thanh niên cùng trang lứa với họ đã phải nhập ngũ, ra chiến trường và chết thay cho họ.

Tôi đọc Đổ Lệnh Dũng của Lê Thiệp và cảm thức được cái oan nghiệt của cuộc chiến tranh ⁽⁵⁾. Mười tám tuổi, hào hùng, lúc nào điệu thuốc lá cũng trên môi như một thách thức, từ già tuổi trẻ Sài Gòn, từ già cha mẹ, nhập ngũ, rồi mất tích giữa Chiến Khu D sau một trận đánh dữ dội. Thử hỏi xem họ có cái gì hơn Đổ Lệnh Dũng?

Trường hợp Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Văn Hương và nhà văn Y Uyên

Tôi biết nhà văn Y Uyên đã lâu. Nhưng lại không bao giờ có ý tưởng liên kết nhà văn chết trước 1975 với hai người em của ông ở Canada, cho đến khi tôi viết bài này. Thật là một cái duyên kỳ lạ.

Gia đình Y Uyên vốn người Bắc di cư. Ông cụ bị cộng sản lên án tử hình khiếm diện. Năm 1954, ông cùng với đại gia đình di cư vào Nam và định cư tại Gò Vấp, nơi có đông đồng bào công giáo di cư lập nghiệp. Gia đình ông theo đạo Phật. Căn nhà của gia đình Y Uyên ở số 109-2C đường Thống Nhất, quận 11, Gò Vấp.

Ngày 8 tháng 1, năm 1969, nhà văn Y Uyên đã vĩnh viễn ra đi. Trước khi ra đi, anh cũng đã gửi cho Ng., người yêu của anh, kể chuyện về đêm Noel lạnh lẽo ở núi đồi với một lời chúc, *Mừng em ăn tết, năm mới thật nhiều bánh kẹo*.

Năm nào gia đình anh cũng làm lễ giỗ, tổ chức long trọng và mời bạn bè anh đến dự. Nguyễn Văn Hương, em ông, là người mong muốn tái bản 6 tác phẩm của anh mình. Như nhiều thanh niên khác đã không được cái may mắn như họ và nhiều người đã hy sinh vì lý tưởng quốc gia như trường hợp chuẩn úy Nguyễn Văn Uy – bút hiệu Y Uyên. Ông đã hy sinh tại đồi Nora, gần chân núi Tà Lon (còn gọi là Tà Zon, Tà Dôn), Bình Thuận năm 1969, lúc vừa 29 tuổi.

Bạn bè thân hữu, nhà văn rất đông trong tạp chí Văn đã ra số tưởng niệm ông. Tên tuổi nhiều người như Thư Trung, Võ Hồng, Mùng Mán, Huỳnh Phan Anh, Thanh Tâm Tuyền, Trần Phong Giao, Cao Thoại Châu,

Trùng Dương, Nguyễn Mạnh Côn, Trần Huyền Ân, Lê Bá Lăng và người bạn chí thiết của ông Mang Viên Long, v.v.



Chuẩn úy Nguyễn Văn Uy – nhà văn Y Uyên – trước hầm trú ẩn ở đồn Nora, vùng núi Tà Dôn, Bình Thuận. 1969. Nguồn Thư quán Bản thảo số tháng 2/2005

Nhắc tới ông, vì ông là anh ruột của những kẻ đã phản bội miền Nam là Nguyễn Văn Nhã, và Nguyễn Văn Hương. Thật uổng phí cho sự hy sinh cao cả của cố thiếu úy Nguyễn Văn Uy. Và cũng thật đáng hổ thẹn vì ông có hai người em ruột bất xứng.

Ông Nguyễn Văn Nhã nay là đại gia. Người ta nói với tôi như thế. Vợ ông cũng là thứ đại gia giàu ngất ngưỡng. Ông không thể ngờ rằng có ngày hôm nay, có một nhóm người cầm bút trước 1975 trong Thư quán Bản thảo. Họ đã có lòng và bỏ công sức thời giờ cũng như tiền bạc,

đã sưu tập tất cả truyện ngắn của nhà văn Y Uyên. Và in lại trong Tuyển Tập truyện thời chiến của nhà văn có tên tuổi mà tuổi đời mới 29, người miền Nam, một chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã nằm xuống năm 1969.

Tôi xin trích lại một bài thơ của Trần Huyền Ân đăng trên Bách Khoa tháng 01-69 để tưởng nhớ Y Uyên với những câu:

*“Minh tôi ngồi đây thương tiếc anh
Càng thêm căm uất cuộc tương tranh
Đầy sông máu đục tình huynh đệ
Xương trắng từng phơi biết mấy thành”*

Tôi cũng xin trích dẫn lời giới thiệu tập sách của nhà văn Y Uyên được Thư Quán Bản Thảo in lại ở hải ngoại: *“Việc sưu tầm 9 truyện ngắn này quả thật là cả một sự khó khăn đối với chúng tôi... Chúng tôi phải nhờ những bạn bè cầm bút cũ trong nước ra công tìm kiếm những sáng tác của ông đăng rải rác trên những tạp chí văn học miền Nam trước 1975 [...] Những trang tạp chí ấy hôm nay đã ó vàng với thời gian, nhưng truyện ngắn của Y Uyên vẫn không-và-không-bao-giờ ‘ó vàng’ trong lòng độc giả miền Nam, trong lòng bạn bè của ông hôm nay.”* (6)

Là trai thời binh lửa thì chuyện gục ngã ở sa trường là chuyện thường ngày trong suốt cuộc nội chiến Việt Nam. Nhưng cái chết của chuẩn úy Nguyễn Văn Uy không phải là một cái chết bình thường. Xin trích một đoạn trong bài *Núi Tà Dôn và dấu chân Uy của Lê Văn Chính* (Sương Biên Thùy) đã đăng trong Tạp Chí Văn, số 129, phát hành ngày 1 tháng 5 năm 1969 – Số đặc biệt thương nhớ Y-Uyên.

“11.1.69

*Tôi nghĩ Uy sẽ không bị chết nếu bị bắt, nếu Uy biết cách nói cho những người ở phía bên kia biết Uy là một nhà văn. Tôi cũng nghĩ đến trường hợp, sau khi bị bắt, Uy sẽ được ra Hà Nội, và giường máy tuyên truyền phía bên kia sẽ khai thác nhà văn của chúng ta. Nhưng tất cả những điều tôi tưởng tượng đều trái ngược với thực tế, một thực tế phũ phàng, tàn nhẫn: **Y Uyên, sau khi chết rồi, còn bị bắn bồi mấy phát súng ở mắt, tai và đâm bồi thêm mấy nhát dao ở hai cánh tay và hai bên hông.***

*Tôi không có mặt khi bạn hữu tầm liệm chàng, nhưng Học nói lại những nhận định như thế khi quan sát xác chết với những dấu đạn, dấu dao trên mình chàng. Có những dấu đạn người ta biết được là từ đâu, như thế nào, và người ta cũng biết được những **dấu đạn nào là vô ích, là của hận thù.** Trên thân xác của Uy, khi chở về Quân y viện, có những dấu đạn thừa, những dấu dao vô lối. Những dấu đạn, vết dao không thể cắt nghĩa được. Nếu không phải là chúng có từ những thù hận ghê gớm, những chất ngất căm hờn, thì không thể làm sao tìm ra lý do giải thích sự hiện diện của chúng trên thân hình một người đã chết.*

Từ những dấu đạn vết dao đó, tôi có một nhận định về những người ở bên kia chiến tuyến. Tôi không hiểu bằng cách nào, trong cuộc chiến tương tàn, ròng rã hơn hai mươi năm này, những người lãnh đạo cộng sản

đã dạy cho binh lính của họ như thế nào để lòng thù hận chất ngất mênh mông đến thế? Tôi chấp nhận những viên đạn thứ nhất là hợp lý – Ủ, thì cứ cho là hợp lý. Nhưng những viên đạn bắn bồi, những nhát dao đâm thêm trên một xác thân đã chết là những viên đạn, những nhát dao không thể cắt nghĩa, không thể chấp nhận được. Những người Cộng sản Việt Nam đã làm những điều dã man như thế, khởi đi từ lòng thù hận, từ sự cuồng tín. Từ đó, chúng ta có một nhận thức mới, họ mù quáng trong khi chiến đấu, họ không mấy may hiểu về những căn nguyên cuộc chiến tương tàn này.” (7)

Tôi tự hỏi, cách ứng xử nào được coi là tốt đẹp nhất, nếu tôi là em của của cố thiếu úy Nguyễn Văn Uy! Tôi cũng hỏi Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Văn Hương như thế. Tôi thật sự không hiểu được con người các ông Nhã và Hương. Họ đã có một người anh, một nhà văn, một người anh đã hy sinh ngoài chiến trường (8).

Khi Nguyễn Thái Bình, một sinh viên du học ở Hoa Kỳ, ngày 1 tháng 7, 1972 trên đường về nước, âm mưu cướp máy bay và bị giết, xác ném xuống phi đạo thì một số người trong HVKYNTC mà hai ông Hương và Nhã là thành phần lãnh đạo **đã định chiếm lãnh sự quán của Mỹ ở Montreal để trả thù** cho đồng chí/không tặc (9). Tôi lại tự hỏi, thế những người thân cộng đó và cả hai anh Hương và Nhã đã nghĩ gì và đã định làm gì khi biết chuẩn úy Nguyễn Văn Uy chết như thế nào bên một dòng suối ở chân núi Tà Dôn vào ngày 8 tháng 1, 1969. **Biết cái chết của anh mình do cộng sản cuồng tín sát hại một cách dã man, làm thế nào họ vẫn có thể nhẫn tâm cúi đầu làm tay sai cho cộng sản?**

Tôi chỉ hỏi họ điều đó thôi. Điều mà tôi cũng đã hỏi tiến sĩ triết học Thái Kim Lan, cha bị Việt Minh sát hại lúc 5 tuổi chỉ vì làm công chức bưu điện cho Pháp. Nghĩ tới cảnh mồ cô cha, biết bao thiệt thòi, **vậy mà cũng cúi đầu đi theo cộng sản?**

Thật sự tôi không hiểu được họ, Tôi không thể nào hiểu được họ. Họ có đầu không, có trái tim không? Có một chút lòng thương tiếc anh mình không? Và nhất là họ có còn bản tính người không? Nếu không, họ còn thua cả loài súc vật.

Hoàn cảnh miền Nam mà mỗi người mỗi phía là hoàn cảnh không tránh được. Phần tôi, tôi có một người anh ruột, - linh mục Nguyễn Văn Thông-. bị tù cộng sản hơn 20 năm. Và tôi nghĩ rằng, tôi không cần biết họ là ai, là cộng sản hay không cộng sản. Kẻ nào ám hại anh tôi thì tôi căm thù họ suốt đời.

Tâm trạng ấy, tại sao lại không có được nơi Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Văn Hương?

Sau đây, tôi xin ghi chép đầy đủ tên một số những thành viên của Hội Việt Kiều Đoàn Kết Tại Ca-na-đa:

- Vĩnh Anh.
- Võ Văn Bang, đại gia ở Việt Nam.
- Tạ Công Bằng, về Việt Nam và chết đuối một cách bí ẩn ở sông Trà Khúc.
- Thục Bình.
- Phan Minh Dũng và vợ.
- Trần Tuấn Dũng, Phân hội trưởng Phân hội Sinh viên HĐKVKT, Phó Giám Đốc Vinamedic Inc., công ty xuất cảng dược phẩm và vải may mặc, thành lập năm 1981, thuộc nhóm Đổi Mới, có mặt về Hà Nội năm 1988.
- Phan Kim Điền, thành viên Hội đồng quản trị Q.T.K Express Inc và CIIC International Investment & Trade Corporation mà giám đốc là Nguyễn Văn Hương.
- Phí Thịnh Đức, giáo sư khoa kỹ sư Điện tại đại học Moncton.
- Hoàng Hải Học, giáo sư trường Ecole Polytechnique, Montreal, không có mặt ở trong phiên họp tháng 10, 1988, nhưng được cộng sản giao trách nhiệm trong buổi họp giải quyết tranh chấp hai phe.
- Nguyễn Mạnh Hùng, dạy khoa kinh tế đại học Laval, sinh hoạt văn học với bút hiệu Nam Dao.
- Nguyễn Văn Hương, cựu chủ tịch HĐKVKT đến năm 1986, giám đốc Q.T.K. Express Inc., và CIIC International Investment & Trade Corporation, em của nhà văn Y-Uyên. Nay thì Nguyễn Văn Hương thường ở Việt Nam.
- Lưu Liên, nhân viên quản lý của Laser Express Inc. Bị thất sủng và khai trừ ra khỏi mọi chức vụ.
- Phí Thịnh Long, Toronto.
- Nguyễn Xuân Lộc.

- Tôn Nữ Thị Nga, Chủ tịch Vietimex.Inc, vốn là 98.000 đô la, Lưu Liên Phó chủ tịch, Huỳnh Hữu Tuệ, Phó chủ tịch và Lê Tiền Phong, Tổng thư ký.
- Nguyễn Văn Nhã, Phân Hội trưởng, Phân hội Trí thức HDKVKTC, Giám đốc Vietimex Inc. và Giám đốc Vinamedic Inc. Nhã còn là thành viên Mặt Trận tổ quốc. Nhã thuộc nhóm đa số thuộc Thành Viên Ban Thường Vụ. Nhã cũng có mặt theo sự triệu tập của Hà Nội năm 1988 để giải quyết tranh chấp giữa hai phe: Phe Thường vụ và phe Đổi Mới. Công ty Vinamedic của Nhã có những thùng thuốc gửi bằng Telex về Việt Nam. Có các thùng 55 đô la Mỹ, thùng 100 đô la Mỹ và thùng 200 đô la Mỹ. Có những thùng đặc biệt lên đến 220 đô la và 320 đô la.
- Oanh, trong nhóm Thường Vụ.
- Lê Tiền Phong, Thái Thị Khánh Hạnh, vợ Lê Tiền Phong; chồng về Việt Nam năm 1988, theo lệnh triệu tập của Hà Nội, ở trụ sở Ban Việt Kiều Trung Ương. Ông đứng về phe Thường vụ-Kinh doanh như trong hồ sơ Vixileaks của Trần Giao Thủy tiết lộ. Ông đã qua đời vì ung thư phổi khi quay trở lại Canada.
- Đinh Văn Phước và vợ.
- Lương Châu Phước, nguyên Tổng Biên Tập (Chức vụ giống hệt như ở Việt Nam sau 1975) từ Đất Việt, được trả lương, được cung cấp xe hơi. Đã mất job chủ báo từ năm 1987 nhưng cũng về Việt Nam năm 1988, thuộc Nhóm Đổi Mới. Hội Việt Kiều đoàn kết vỡ làm hai năm 1990, và hoàn toàn ngưng hoạt động sau 1991. Nay Lương Châu Phước lấy cửa chùa làm nơi nương tựa. Bỏ dao thành Phật.
- Lê Phúc và vợ
- Lê Hữu Phùng, bác sĩ tốt nghiệp ở Pháp. Chủ tịch ủy ban cố vấn HDKVKTC, thành viên Hội Đồng quản trị Laser Express.
- Dương Quý
- Nguyễn Minh Sang, đại úy nha sĩ, đào ngũ. Chụp hình cùng vợ con, trên mặt bàn còn để chiếc mũ kêpi sĩ quan, nhưng đằng sau treo cờ giải phóng. Ở Toronto, đã cộng tác với tờ Đất Việt. Con trai y, cũng là nha sĩ, cũng đi theo vết chân lấm bùn của bố. Cha nào con nấy!
- Đỗ Lâm Sinh.
- **Nguyễn Kỳ Toàn, dạy đại học Quebec tại Trois-Rivières.**
- Nguyễn Thị Thanh, vợ Lương Châu Phước.
- Lê Quốc Trinh, kỹ sư khai khoáng. Tác giả Lời sám hối muộn màng, Đôi lời tâm sự và bài Yêu nước hay yêu tiền đã đăng trên DCVOnline.net
- Võ Văn Trương, giáo sư đại học Moncton.
- Võ Quang Tu, nhân viên của tòa đại sứ Việt cộng năm 1979. Trong Hội Đồng Quản trị của công ty Laser Express Inc. thành lập tháng 7, năm 1980 cùng với Lê Hữu Phùng, Mai Tất Đắc, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Như Thường. Trị giá cơ sở địa ốc của công ty là 239.900 đô la vào năm 1986.
- Nguyễn Đức Tuấn.
- Phạm Ngọc Tuấn, trong Hội Đồng Quản trị Vietimex Inc. Công ty này giải thể năm 1997.
- Huỳnh Hữu Tuệ, giáo sư khoa kỹ sư Điện, chủ tịch HNVTC từ năm 1986, thuộc nhóm Thường Vụ, có mặt năm 1988 trong vụ tranh chấp giữa hai nhóm: Thường Vụ và Đổi Mới, hiện tình nguyện về dạy học tại trường Đại Học Quốc Tế trong Đại Học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh. Việt Nam.
- Lý Thanh Tùng.
- Nguyễn Quát Ti.
- Quách Tinh Văn, có anh ruột là Quách Tinh Cần, đỗ thủ khoa sĩ quan Đà Lạt, khóa 20, ngày 20-11-1965. Quách Tinh Cần sau đó làm sĩ quan tùy viên cho đại tướng Cao Văn Viên. Đây là một hoàn cảnh bi kịch của miền Nam khi gia đình chia hai, mỗi người đứng về một phía. Quách Tinh Văn, Phó Giám đốc Vietimex Inc., Phó Giám đốc Laser Express Inc., Phó Giám đốc Vinamedic Inc. chuyển hàng về Việt Nam.

Cựu Thủ khoa Trường Võ Bi Quốc gia Việt Nam – Khóa 20, cựu đại úy VNCH Quách Tinh Cần (2010). (P) SV thân cộng, doanh nhân Quách Tinh Văn (2014).



- Đỗ Đức Viên.

- Phùng Kim Vy, vợ Nguyễn Văn Nhã, sang Canada năm 1975, là giám đốc Saigon Tours, Montréal, Giám đốc Khu du lịch Thiên Phú – Seahorse Resort Phan Thiết, Phó chủ nhiệm Câu lạc bộ Doanh nhân Việt kiều, hiện là Chủ tịch HĐQT The Cliff Resort & Residences (Khu nghỉ dưỡng Dốc Đá) ở Phan Thiết (Bình Thuận), v.v.

Trong số những người trên, có nhiều cấp độ tham gia: tham gia ít hay nhiều, tích cực hay không tích cực, tham gia như một cảm tình viên hay vì tò mò. Có nhiều người tham gia nhưng vẫn giữ được tinh thần tự trọng, có nhân cách. Có người tham gia chỉ vì tiền, vì quyền lợi. Có những người bị lợi dụng. Có những người là nạn nhân. Có những người bị thất sủng, bị khai trừ. Có những người nay chỉ có tên mà thực sự họ đã tránh xa, không dính dáng với chuyện làm ăn của hội. Có những người chỉ có tiếng mà không có miếng.

Nói chung có một sự phức tạp ràng buộc trong cách thức tham gia vào Hội. Điều thứ hai, khi hội có liên hệ chặt chẽ với tòa đại sứ cộng sản ở Ottawa thì chỉ những thành viên nào tỏ ra 'biết điều' mới được tin dùng. Như trường hợp bác sĩ Lê Hữu Phùng mà chức vụ chính thức là Chủ Tịch Ủy Ban Cố vấn! The President of UGVC's Committee of counsellors. Ai cũng thừa hiểu rằng chức vụ đó chỉ có danh tước mà không có quyền hành gì trong nội bộ tổ chức. Và cũng chẳng chấm dứt ăn được cái giải gì cả.

Một trường hợp khác, Trần Tuấn Dũng. Đỗ Đức Viên, Nguyễn Xuân Lộc. Cả ba đều làm cho một hiệu sách nhỏ có tên Librairie Hồ Chí Minh, ở số 72, đường Prince Arthur, phía Đông, Montreal. Họ đã bị bắt làm trong sự kiện *Khủng hoảng tháng Mười* tại Canada (October Crisis, 1971) vì đã có mặt ở một chỗ đáng lẽ họ không có mặt, nhà của một nhân vật trong danh sách cảnh sát cần bắt giữ. Họ không phải là mối quan tâm của chính phủ Canada và đã được phóng thích vài ngày sau đó.

Có trường hợp đặc biệt như trường hợp vợ chồng Nguyễn Tấn Phục và Hoàng Thị Vĩnh Thủy; cả hai đã tình nguyện về Việt Nam năm 1977. Đến năm 1979, biết rõ bộ mặt thật của chế độ và quyết định trốn được sang Mã Lai và nhờ có hai con có quốc tịch Canada nên được bốc đi ngay sang Canada. Từ đó, họ chọn **thái độ quy ẩn**. Thái độ này, tôi cho là đáng trách. Đáng lẽ họ nên cho đồng bào ở đây biết rõ nguyên do nào họ phải liều chết trốn ra khỏi Việt Nam. **Họ còn sợ cái gì? Không lẽ bóng ma cộng sản vẫn chập chờn trong giấc ngủ của hai vợ chồng sau 40 năm? Cộng đồng người Việt ở đây rộng tay đón họ như thể đón đứa con trở về như một niềm vui, như xóa sạch nợ nần, ân oán!** Nợ nần ai làm người đó trả. Họ có làm gì đâu? Nhưng thực chất những người vừa nêu tên tuổi trên kia họ là ai mới được?

Thưa đó là những thành phần có ăn học, được các chính phủ thời Đệ Nhất và Đệ Nhị cộng hòa cho học bổng đi học tại Pháp, tại Mỹ, tại Tân Tây Lan và tại Đức, Thụy Sĩ và nhất là tại Canada. Trong đó có 40 người đi với học bổng của chương trình Colombo vào năm 1964.

(Còn phần Kết)

(1) 1,642,179 người đã rời bỏ Việt Nam (kể cả người gốc Hoa và người miền núi) đi tị nạn khắp thế giới trong giai đoạn 1975 – 1997. Canada đã nhận định cư cho 163,415 người. Nguồn: Robinson, W. Courtland, Terms of Refuge, United Nations High Commissioner for Refugees, London: Zed Books, 1998 p. 270, 276, Appendix 2; Far Eastern Economic Review, June 23, 1978, p. 20.

(2) Lê Quốc Trinh, Sự thật nằm sau “Bức công hàm Phạm Văn Đồng 1958”, Dân Làm báo, 30/04/2013.

(3) Năm 1957, hãng thông tấn Tân Hoa (New China News Agency) của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đưa tin “quân đội miền Nam Việt Nam của Ngô Đình Diệm” đã chiếm đóng các đảo Hữu Nhật (Robert), đảo Hoàng Sa (Pattle), đảo Quang Ảnh (Money) thuộc quần đảo Hoàng Sa. (Nguồn: South Vietnam Troops Illegally Occupied Chinese Island, NCNA, New China News Agency Peking, March 6, 1957 in SCPM, no. 1486 (March 11, 1957), p.22 trích dẫn lại trong Hungdah Chiu & Choon-Ho Park (1975): Legal status of the Paracel and Spratly Islands, Ocean Development & International Law, 3:1, 1-28).

Ngày 4 tháng 9, 1958 chính phủ nước CHNDTH công bố Tuyên bố Lãnh hải 12 hải lý kể cả các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cũng như Bãi Macclesfield (quần đảo Trung Sa). Ngày 22 tháng Hai, 1959, Chính phủ

Việt Nam Cộng hòa đã trả lời Trung Cộng bằng hành động, Hải quân VNCH đã đến đảo Quang Hòa bắt 82 ngư dân Trung Hoa (sau đó đã trả tự do) và một tháng sau đó lại khẳng định chủ quyền của Việt Nam một lần nữa, cũng tại đảo Quang Hòa. (Nguồn: Statement of the Ministry of Foreign Affairs on the Encroachment upon Our Territorial Sovereignty and the Capture of Our Fishermen by the South Vietnamese Authorities, February 27, 1959, in Chung-hua jen-min kung-ho-kuo tui-wai kuan-hsi wen-chien-chi, vol. 6, 1959, pp. 27-28; Further Statement by the Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China Protesting the Illegal Acts of the South Vietnamese Authorities on the Encroachment of Our Territorial Sovereignty, Capture and Mistreatment of Our Fishermen, April 5, 1959, *ibid.*, pp. 37-38 trích dẫn lại trong Hungdah Chiu & Choon-Ho Park (1975): Legal status of the Paracel and Spratly Islands, *Ocean Development & International Law*, 3:1, 1-28).

(4) Thư của Đại sứ Nguyễn Hữu Chí gửi ông Gonzlio Facio, Chủ tịch HĐ Bảo an LHQ, Văn phòng Quan sát viên Thường trực, Việt Nam Cộng hòa, tại Liên Hiệp Quốc, Số 2142 UN/VN và 2143 UN/VN. Thư của Đại sứ Nguyễn Hữu Chí gửi ông Kurt Waldheim, Tổng thư ký LHQ, Văn phòng Quan sát viên Thường trực, Việt Nam Cộng hòa, tại Liên Hiệp Quốc, Số 2144 UN/VN.

(5) Nguyễn Trọng Vĩnh – Mặc Lâm (RFA), Hậu quả sau hội nghị Thành Đô? RFA, 2012-10-09